TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 28-5-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Phạm Thị Ngọc Lan;

Ông Nguyễn Hữu Tỉnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Quang Huy - Thư ký của Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Số X đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Đông N – Trưởng bộ phận xử lý nợ Ngân hàng V (có mặt).

Ông Vũ Xuân Đ – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V (vắng mặt).

Ông Tạ Văn H – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V (vắng mặt).

Văn bản uỷ quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2018 và số 3541/2018/UQ-VPB ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Toà án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (viết tắt V) cho anh Trần Văn T vay vốn vào mục đích kinh doanh theo Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (gọi tắt là hợp đồng tín dụng số: LD 1623701386) ngày 03/8/2016 với số tiền 52.500.000 đồng bằng hình thức tín chấp không có tài sản bảo đảm, lãi suất cố định theo thoả thuận là 37% năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn vay 24 tháng và chia làm 24 kỳ trả nợ, tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2016 là ngày V giải ngân toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 106128707 của anh T mở tại V. Lịch trả nợ vào ngày 24 hàng tháng, mỗi kỳ trả 3.142.772 đồng bao gồm cả gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24 tháng 8 năm 2018. Quá trình thực hiện cam kết trả nợ, anh T trả gốc và lãi đến ngày 31/8/2017 còn dư nợ gốc là 33.594.796 đồng sau đó không trả nữa. Qua nhiều lần đôn đốc nhưng anh T vẫn không trả nợ nên V đã chuyển số dư nợ 33.594.796 đồng sang nợ quá hạn vào ngày 24/9/2017. Sau khi V khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán nợ gốc còn lại và lãi phát sinh từ sau ngày 31/8/2017 thì anh T có trả nợ thêm được một phần. Tính đến ngày 10/4/2019 anh T còn nợ V tiền gốc là 21.043.866 đồng, tiền lãi 24.725.509 đồng và tiền phạt chậm trả là 12.463.948 đồng, tổng cộng các khoản là 58.233.323 đồng. V đề nghị Toà án giải quyết buộc anh T phải trả toàn bộ số tiền này và tiếp tục cho tính lãi theo thoả thuận trên số nợ gốc đến ngày anh T thanh toán hết nợ cho V.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Toà án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai cũng như không có tài liệu, chứng cứ giao nộp và Toà án cũng không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên Toà bên V xuất trình bảng kê tính lãi và thể hiện quan điểm: Tính đến ngày Toà án xét xử là ngày 28/5/2019 anh T còn nợ V tổng số tiền là 56.436.032 đồng. Trong đó tiền gốc 16.043.866 đồng, tiền lãi 26.020.261 đồng, tiền phạt chậm trả là 14.371.905 đồng. V xin rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt 14.371.905 đồng, chỉ đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu anh T phải trả số tiền gốc 16.043.866 đồng và tiền lãi 26.020.261 đồng, tổng cộng là 42.064.127 đồng, đồng thời đề nghị tiếp tục được tính lãi theo đúng thoả thuận trên số nợ gốc đến ngày anh T thanh toán hết nợ cho V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ, thực hiện và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Trần Văn T.

- Buộc anh T phải thanh toán trả cho V toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

- Tiếp tục cho V tính lãi quá hạn trên số nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến ngày anh T thanh toán hết nợ cho V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thông qua Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn đã ký kết giữa V với khách hàng nên được xác định đây là quan hệ về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Thời hiệu khởi kiện: V cho rằng khách hàng vay vốn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hạn cuối cùng của hợp đồng là ngày 24/8/2018 nhưng khách hàng không trả nợ nên quyền lợi của mình bị xâm phạm. Ngày 26/12/2018 Toà án nhận được đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp của V. Căn cứ quy định tại Điều 184, 185 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu của V nằm trong thời hiệu khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn T có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Văn T đã được Toà án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Bà Trần Thị T1 mẹ anh T xác nhận đã thông báo cho anh T biết việc Toà án triệu tập để giải quyết việc V đòi nợ, hiện bà không biết anh T ở đâu, chỉ liên hệ được với anh T qua điện thoại. Như vậy việc anh T biết Toà án thụ lý giải quyết vụ án nhưng cố tình vắng mặt thì được coi như mặc nhiên từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Việc rút yêu cầu của đương sự: Tại phiên toà, bên V tự nguyện rút một phần yêu cầu đó là khoản tiền phạt 14.371.905 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của V và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[2] Về việc xác lập giao dịch: Ngày 03/8/2016 V và anh Trần Văn T thoả thuận ký Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn. Theo đó V cho anh T vay số tiền 52.500.000 đồng với lãi suất 37% năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn vay 24 tháng, chia làm 24 kỳ trả nợ tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2016 là ngày V giải ngân

vào tài khoản số 106128707 của anh T mở tại V. Lịch trả nợ vào ngày 24 hàng tháng, mỗi kỳ trả 3.142.772 đồng bao gồm cả gốc và lãi, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24 tháng 8 năm 2018. Với thoả thuận này của các bên, Toà án thấy rằng:

Thứ nhất: Giao dịch được các bên xác lập trước ngày 01/01/2017 ở trong trường hợp có 02 văn bản quy phạm pháp luật cùng do Quốc hội ban hành và đang cùng có hiệu lực thi hành lại có quy định khác nhau về cùng một vấn đề là lãi suất. Đó là quy định về lãi suất tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và quy định về lãi suất tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì sẽ được áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau, do đó vấn đề về lãi suất giữa các bên sẽ được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 là "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất";

Thứ hai: Tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt nam theo lãi suất thoả thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.

Thứ ba: Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.

Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Toà án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.

Như vậy giao dịch giữa V và anh T thoả thuận ký kết chính là hợp đồng vay tài sản bằng tiền có kỳ hạn và có lãi hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Mọi thoả thuận trong Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn giữa V và anh T ngày 03/8/2016 đó chính là điều khoản của hợp đồng vay tài sản có hiệu lực để các bên thực hiện.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Bên V cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu anh T phải trả nợ toàn bộ số tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh, đồng thời đề nghị tiếp tục được tính lãi theo thoả thuận trên số nợ gốc đến ngày anh T thanh toán hết nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, V đã xuất trình cho Toà án toàn bộ hồ sơ

cho anh T vay vốn cũng như quá trình theo dõi việc trả nợ. Qua xem xét, Toà án thấy hạn cuối cùng của hợp đồng là ngày 24 tháng 8 năm 2018 nhưng đến ngày 28/5/2019 anh T mới trả được cho V tiền gốc 36.456.134 đồng, tiền lãi 19.370.108 đồng; hiện còn nợ gốc 16.043.866 đồng, nợ lãi 26.020.261 đồng, tổng cộng là 42.064.127 đồng. Việc anh T không trả nợ V theo cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của V. Căn cứ theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thì yêu cầu khởi kiện của phía V là có căn cứ để Toà án xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên V không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V đối với anh Trần Văn T.

Buộc anh Trần Văn T ở thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định phải có nghĩa vụ thanh toán trả V các khoản tiền gồm:

- Tiền nợ gốc 16.043.866 đồng;
- Tiền lãi 26.020.261 đồng;

Tổng cộng là 42.064.127 đồng (bốn hai triệu không trăm sáu tư nghìn một trăm hai bảy đồng).

Kể từ ngày 29/5/2019 anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên có thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ V.

2. Án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Hoàn trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo Biên lai số: AA/2016/0000948 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang